

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **61/2020/HNGĐ ST**

Ngày: 18-02-2020

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Hiện

2. Bà Võ Thị Tố Quyên

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 giữa các đương:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1966, địa chỉ: số nhà 54/6, ấp Thanh Khương B, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre. Bà Bé H có đơn yêu cầu xét xử vắng.

2. Bị đơn: Ông Hồ Văn L, sinh năm 1967, địa chỉ: số nhà 56/1 ấp Xương Thanh B, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Ông L có đơn yêu cầu xét xử vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé H trình sau:

Bà và ông L quen biết nhau và tổ chức đám cưới vào ngày 12/12/1981, khi sống chung bà và ông L không có đăng ký kết hôn do lúc đó gia đình khó khăn nên không quan tâm việc phải đi đăng ký kết hôn. Thời gian sống chung có với nhau có 03 con chung tên Hồ Văn Đ, sinh ngày 10/12/1983, Hồ Thị Hiểu Ngh, sinh ngày 04/6/1988 và Hồ Văn K, sinh ngày 28/4/1992 tất cả đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung: Bà Bé H và ông L tự thỏa thuận nên

không yêu cầu giải quyết; nợ chung không có. Nguyên nhân bà yêu cầu ly hôn với ông L là do cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc do vợ chồng bà bất đồng quan điểm sống, ông L thường xuyên đánh đập, hành hạ bà, đến nay không chịu đựng được nữa nên từ khoảng tháng 7 năm 2019 bà ly thân ông L và đến nhà con bà tên Hồ Văn Kiên ở xã Mỹ Hưng sinh sống cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng giữa bà và ông L không còn, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên bà yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung: Hồ Văn Đ, sinh ngày 10/12/1983, Hồ Thị Hiếu Ngh, sinh ngày 04/6/1988 và Hồ Văn K, sinh ngày 28/4/1992 tất cả các con chung đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Bé H trình bày tự thỏa thuận với ông L nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà Bé H trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn bà không có yêu cầu.

Theo nội dung bản khai ngày 30/01/2020 và trong quá trình tố tụng ông Hồ Văn L trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Bé H về thời gian ông và bà Bé H sống chung, về việc không có đăng ký kết hôn; về họ, tên, ngày, tháng, năm sinh của các con chung. Ông thừa nhận là trong cuộc sống hôn nhân ông và bà Bé H có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống có lần dẫn đến xô xát nhau. Hiện tại bà Bé H đã tự ý bỏ nhà đi từ khoảng tháng 7 năm 2019 cho đến nay không về nhà. Nay bà Bé H có yêu cầu ly hôn với ông thì ông không đồng ý vì ông mong muốn vợ chồng có mâu thuẫn thì hòa giải với nhau, hàn gắn để tiếp tục về sống chung với nhau vì vợ chồng cũng đã lớn tuổi, các con đã trưởng thành. Nhưng nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bé H thì ông có ý kiến như sau:

Về con chung: Hồ Văn Đ, sinh ngày 10/12/1983, Hồ Thị Hiếu Ngh, sinh ngày 04/6/1988 và Hồ Văn K, sinh ngày 28/4/1992 tất cả các con chung đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà Bé H tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết. Ông và bà Bé H không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn ông không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn

xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bé H thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn. Bị đơn ông Hồ Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 56/1 ấp Xương Thạnh B, xã Thới Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé H và ông Hồ Văn L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L bà Bé H theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Bà Bé H và ông L xác lập mối quan hệ mỗi quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sống chung với nhau từ năm 1981 nhưng không có đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 và thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 thì trường hợp quan hệ vợ chồng của bà Bé H và ông L được xác định là hôn nhân thực tế. Nay bà Bé H có yêu cầu ly hôn với ông L sẽ được xem xét giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bé H Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn bà Bé H và ông L có thời gian dài sống chung hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã và xô xát nhau, không thể tiếp tục sống chung nên từ khoảng tháng 7 năm 2019 đến nay bà Bé H đã sống ly thân với ông L. Tuy trong quá trình giải quyết vụ án ông L không đồng ý ly hôn với bà Bé H nhưng ông L thừa nhận là khi sống chung vợ chồng có mâu thuẫn, có lần cãi nhau dẫn đến xô xát và hiện tại vợ chồng ông đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ cuộc sống hôn nhân giữa bà Bé H và ông L có mâu thuẫn, hiện tại bà Bé H và ông L đã sống ly thân. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Bé H và ông L đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Bé H yêu cầu được ly hôn với ông L là có căn cứ. Phù hợp với Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà Bé H và ông L không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về con chung: Hồ Văn Đ, sinh ngày 10/12/1983, Hồ Thị Hiểu Ngh, sinh ngày 04/6/1988 và Hồ Văn K, sinh ngày 28/4/1992 tất cả các con chung đều đã trưởng thành nên bà Bé H và ông L không yêu cầu giải quyết, không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Bà Bé H và ông L trình bày tự thỏa thuận, không xem xét giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Bà Bé H và ông L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Bà Bé H phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội ngày 09/6/2000;

Căn cứ vào các Điều 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bé H. Bà Bé H được ly hôn với ông Hồ Văn L.

Bà Bé H và ông L không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét

2. Về con chung: Hồ Văn Đ, sinh ngày 10/12/1983, Hồ Thị Hiếu Ngh, sinh ngày 04/6/1988 và Hồ Văn K, sinh ngày 28/4/1992. Tất cả đã trưởng thành bà Bé H và ông L không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Bé H và ông L trình bày tự thỏa thuận, không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Bé H và ông L trình bày không có, không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bé H phải chịu: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009306 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/02/2020), đương sự vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Mỹ Hưng;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu (hồ sơ, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đào Hồng Vân

